Các nhân tố tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai

Nguyễn Văn Dũng* - Nguyễn Thu Trang* - Lê Thị Mãi*

Nhận: 11/05/2021
Biên tập: 20/05/2021
Duyệt đăng: 05/06/2021

Nghiên cứu này nhằm xác định các nhóm yếu tố tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán, trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, tại tỉnh Đồng Nai. Kết quả cho thấy, 5 yếu tố: chất lượng hệ thống thông tin kế toán; chất lượng thông tin kế toán; năng lực của người dùng; nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán; sự hỗ trợ của các nhà quản lý có tác động cùng chiều đến sự thành công của việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán các doanh nghiệp FDI, tại tỉnh Đồng Nai.

***Từ khóa**: Doanh nghiệp, FDI, hệ thống, thông tin, kế toán.*

Abstract:

This study aims to identify groups of factors affecting the success of the accounting information system in FDI enterprises in Dong Nai province. The results show that there are 05 factors: Quality of accounting information system; Quality of accounting information; Capacity of users; Perception and influence on the usefulness of accounting information systems; Managers' support has had a positive impact on the success of accounting information systems in FDI enterprises in Dong Nai province.

***Keywords**: Enterprise, systems, FDI, information, accounting*

Giới thiệu

Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System, AIS) là hệ thống thu nhập, ghi nhận, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin tài chính, kế toán và thông tin phi tài chính cho các đối tượng sử dụng thông tin phục vụ cho việc ra quyết định (Romney & Steinbart, 2015).

Quá trình phát triển của hệ thống thông tin kế toán trong bối cảnh Cách mạng Công nghệ 4.0 hiện nay, đặt ra vấn đề: thế nào là hệ thống thông tin kế toán thành công? Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán ứng dụng trong doanh nghiệp (DN) như thế nào? Lợi ích của kế toán, người sử dụng hay chính bản thân DN khi hệ thống thông tin kế toán trong DN thành công? Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong DN chưa được đo lường một cách đầy đủ, do đó cần thiết phải xây dựng mô hình đo lường sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong DN. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong DN cần thiết phải được nhận dạng, mô hình hóa và đo lường tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong DN.

Cho tới nay, không có nhiều nghiên cứu về hệ thống thông tin kế toán và sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai. Do đó, việc lựa chọn đề tài nghiên cứu này trong các DN FDI tại Đồng Nai, là điều cần thiết.

Tổng quan nghiên cứu

Hệ thống thông tin kế toán

Hệ thống thông tin kế toán là một công cụ của kế toán được kết hợp vào lĩnh vực hệ thống thông tin và công nghệ, được thiết kế để giúp cho việc quản lý và kiểm soát các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính và kế toán của các tổ chức (Nzomo, 2013). Romney (2012) định nghĩa, AIS là một hệ thống thu thập, ghi nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu để tạo ra thông tin cho người dùng ra quyết định, nó bao gồm những người sử dụng hệ thống, các quy trình và hướng dẫn được sử dụng để thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu, các chỉ dẫn, dữ liệu của tổ chức và hoạt động kinh doanh, phần mềm được sử dụng để xử lý dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin và kiểm soát nội bộ và bảo vệ dữ liệu. Ngày nay, sự tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin đã làm cho khả năng tạo và sử dụng thông tin kế toán trở thành một hệ thống chiến lược của tổ chức (Louadi, 1998). Hệ thống thông tin kế toán rất quan trọng, đối với tất cả các tổ chức (Wilkinson, Cerullo, Raval, & Wong-On-Wing, 2000).

Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán

Theo Nguyễn Phước Bảo Ân (2018), mặc dù không có nhiều nghiên cứu về sự thành công của hệ thống thông tin kế toán, cũng như nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thành công của hệ thống thông tin kế toán trong DN, nhưng những nghiên cứu về vấn đề này cũng đã tập trung đến việc phân tích và giải quyết các vấn đề về chất lượng hệ thống thông tin kế toán, sự hài lòng của người sử dụng thông tin kế toán, cũng như giải quyết các mối quan hệ

* Đại học Lạc Hồng

tác động đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán. Điều này cũng cho thấy, mô hình sự thành công của hệ thống thông tin kế toán cũng như các nhân tố tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán hoàn toàn có thể vận dụng từ các nghiên cứu có liên quan về hệ thống thông tin (Bảng 1).

Mô hình nghiên cứu và giả thuyết

Qua phần tổng quan nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình 1 và giả thuyết như sau:

Giả thuyết H1: Chất lượng hệ thống thông tin kế toán tác động dương đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán.

Giả thuyết H2: Chất lượng thông tin kế toán tác động dương đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán.

Giả thuyết H3: Nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán tác động dương đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán.

Giả thuyết H4: Sự hỗ trợ của các nhà quản lý tác động dương đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán.

Giả thuyết H5: Năng lực người sử dụng tác động dương đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán.

Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng kết hợp phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Nghiên cứu định tính dùng để giải thích sự tương quan có ý nghĩa từ các thang đo, từ kết quả này xây dựng bảng câu hỏi chính thức được hình thành sao cho phù hợp về mặt ý nghĩa thang đo và đối tượng lấy mẫu. Kỹ thuật thực hiện trong nghiên cứu định tính: Khảo sát thực tiễn và phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia như giảng viên chuyên ngành kế toán, kế toán trưởng… Tiếp theo, các thang đo đó sẽ là nền tảng để xây dựng bảng hỏi chính thức và thực hiện khảo sát. Nghiên cứu định lượng: bảng câu hỏi được gửi đi bằng email, google form và gửi bảng câu hỏi trực tiếp đến các DN, tại Đồng Nai. Mẫu được lựa chọn theo phương pháp thu thập mẫu thuận.

200 bảng hỏi được gửi đi và kết quả thu được 157 mẫu. Sau đó, nhóm nghiên cứu chạy phần mềm SPSS 27 để tiến hành phân tích sau khi dữ liệu được sàng lọc. Tiếp theo là đánh giá độ tin cậy thang đo thông qua việc sử dụng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy.

Bảng 1. Tổng hợp các nhân tố tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán

Nhân tố	Nguồn trích dẫn
Nhận thức về tính hữu ích	(Al-Jabri, 2015; Amoako-Gyampah, 2007; B. Y. Chung và cộng sự 2008; Davis, 1989, 1993; Davis và cộng sự 1989; Halilovic & Cicic, 2013; Hwa Chung & Snyder, 2000; Maruping, Bala, Venkatesh, & Brown, 2017; Venkatesh & Davis, 1996; Venkatesh và cộng sự 2003)
Nhận thức về tính dễ sử dụng	(Al-Jabri, 2015; B. Y. Chung và cộng sự 2008; Davis, 1989, 1993; Davis và cộng sự 1989; Halilovic & Cicic, 2013; Hwa Chung & Snyder, 2000; Maruping và cộng sự 2017; Venkatesh & Davis, 1996; Venkatesh và cộng sự 2003)
Sử dụng hệ thống thông tin	(Al-Jabri, 2015; B. Y. Chung và cộng sự 2008; Davis, 1989, 1993; Davis và cộng sự 1989; DeLone & McLean, 1992, 2003, 2016; Halilovic & Cicic, 2013; Hwa Chung & Snyder, 2000; Juhani Iivari, 2005; Maruping và cộng sự 2017; Montesdioca & Macada, 2015; Stacie Petter và cộng sự 2013; Stacie Petter & McLean, 2009; Rai, Lang, & Welker, 2002; Peter Seddon, 1997; Urbach & Müller, 2012; Venkatesh & Davis, 1996; Venkatesh và cộng sự 2003)
Tính chất người dùng	(Edgardo R. Bravo, Santana, & Rodon, 2014; Dadbin và cộng sự 2010; Dezdar, 2012; Dezdar & Ainin, 2011a, 2011b; Gaardboe & Svarre, 2017 K. R. T. Larsen, 2003; Larsen và cộng sự 2009; Stacie Petter và cộng sự 2013; Xiaosong, Gensheng, & Heim, 2011)
Tính chất dự án	(Amoako-Gyampah, 2007; Amoako-Gyampah & White, 1993; Edgardo R. Bravo và cộng sự 2014; Choe, 1996, 1998; Costa và cộng sự 2016; Dadbin và cộng sự 2010; Dezdar, 2012; Dezdar & Ainin, 2011a, 2011b; Duarte & Costa, 2012; Gaardboe & Svarre, 2017; K. R. T. Larsen, 2003; Larsen và cộng sự 2009; Stacie Petter và cộng sự 2013; Xiaosong và cộng sự 2011)
Sự hỗ trợ từ nhà quản lý	(Amoako-Gyampah, 2007; Amoako-Gyampah & White, 1993; Edgardo R. Bravo và cộng sự 2014; Choe, 1996, 1998; Costa và cộng sự 2016; Dadbin và cộng sự 2010; Dezdar, 2012; Dezdar & Ainin, 2011a, 2011b; Duarte & Costa, 2012; Gaardboe & Svarre, 2017; Magid Igbaria và cộng sự 1997; K. R. T. Larsen, 2003; Larsen và cộng sự 2009; Stacie Petter và cộng sự 2013; Xiaosong và cộng sự 2011)

(Nguồn: Nguyễn Phước Bảo Ân, 2018)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

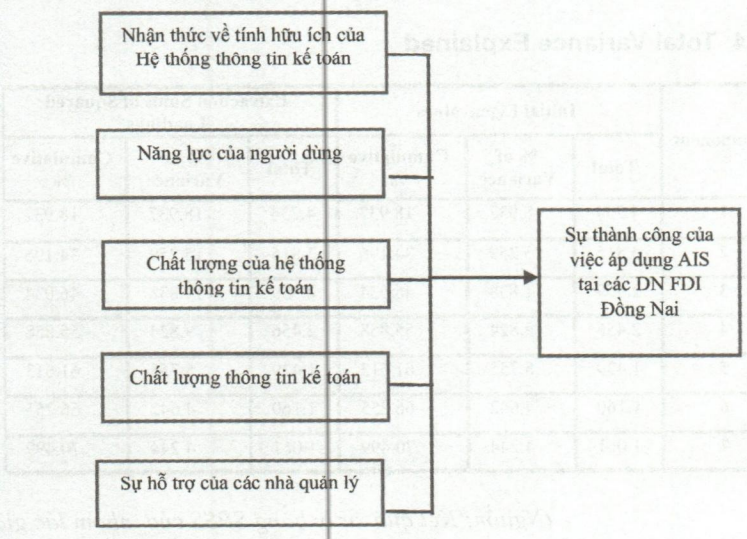

Kết quả nghiên cứu

Đánh giá độ tin cậy và kiểm định giá trị thang đo Cronbach's Alpha

Qua Bảng 2, kết quả kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha của từng nhân tố như sau: Thang đo Chất lượng hệ thống thông tin kế toán (CLAIS): hệ số tin cậy Cronbach Alpha = 0,748 > 0,6 và 05 biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,3 nên sẽ giữ lại tiếp tục phân tích EFA. Thang đo Chất lượng thông tin kế toán (CLAI) có hệ số tin cậy Cronbach Alpha = 0,858 > 0,6 và 05 biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,3 nên sẽ giữ lại tiếp tục phân tích EFA. Thang đo Nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán (NTHIAIS): hệ số tin cậy Cronbach Alpha = 0,715 > 0,6 và 05 biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,3 nên sẽ giữ lại tiếp tục phân tích EFA. Thang đo Sự hỗ trợ của các nhà quản lý (NTQL): hệ số tin cậy Cronbach Alpha = 0,755 > 0,6 và 05 biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,3 nên sẽ giữ lại tiếp tục phân tích EFA. Thang đo Năng lực người sử dụng (NLND): hệ số tin cậy Cronbach Alpha = 0,882 > 0,6 và 05 biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,3 nên sẽ giữ lại tiếp tục phân tích EFA.

Qua bảng kết quả trên, ta thấy tất cả các hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3, do đó thang đo của các biến trong mô hình đạt tiêu chuẩn và đảm bảo độ tin cậy. Để kiểm tra sự phù hợp của thang đo, Nhóm tác giả sẽ tiếp tục phân tích nhân tố khám phá EFA.

Đánh giá phân tích nhân tố khám phá EFA

Căn cứ vào kết quả kiểm định thang đo, tác giả tiến hành sử dụng tiêu chí hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin). Trị số của KMO phải đạt giá trị 0.5 trở lên ($0.5 \leq KMO \leq 1$) là điều kiện đủ để phân tích nhân tố là phù hợp và để xem xét đánh giá sự thích hợp của các nhân tố. Và kiểm định Bartlett (Bartlett's test of sphericity) dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau hay không. Kết quả $0.5<KMO=0.756 \leq 1$, $sig=0.000<0.5$ cho thấy rằng, các dữ liệu thích hợp cho các tiêu chí đánh giá và các biến có tương quan với nhau (Bảng 3).

Tiếp tục kiểm định phương sai trích (% cumulative variance) của các yếu tố, ta thấy trong Bảng tổng phương sai được giải thích (Total Variance Explained), phương sai cộng dồn của các yếu tố (cumulative %) là 70.499%, thoả mãn tiêu chuẩn phương sai trích phải > 50% (Hair, 2009; Đinh Phi Hổ, 2012). Điều này có nghĩa là, 70.499% thay đổi của các nhân tố được giải thích được các biến quan sát (thành phần của Factor). Ngoài ra, theo Gerbing và Anderson (1988), các nhân tố có Eigenvalue < 1 sẽ không có tác dụng tóm tắt thông tin tốt hơn biến gốc (biến tiềm ẩn trong các thang đo trước khi EFA). Vì thế, các nhân tố chỉ được rút trích tại Eigenvalue > 1 và được chấp nhận khi tổng phương sai trích ≥ 50%. Kết quả nghiên cứu này có 7 nhân tố đại diện đảm bảo được tiêu chuẩn có Eigenvalue > 1 (Bảng 4).

Đánh giá kiểm định mô hình bằng phân tích hồi quy

Qua kết quả của Bảng 5, trang 71 cho thấy hệ số R2 của mô hình 0,605, cho thấy biến độc lập đưa vào chạy hồi quy gồm có: Chất lượng hệ thống thông tin kế toán; Chất lượng

Bảng 2. Kiểm định Cronbach's Alpha của từng thang đo

Variable	Cronbach's Alpha	N of Items
Chất lượng hệ thống thông tin kế toán	0.748	5
Chất lượng thông tin kế toán	0.858	5
Nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán	0.715	5
Sự hỗ trợ của các nhà quản lí	0.755	5
Năng lực người sử dụng	0.882	5

(Nguồn tổng hợp từ SPSS của nhóm tác giả)

Bảng 3: KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.756
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2035.102
	df	300
	Sig.	.000

Bảng 4: Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	4.734	18.937	18.937	4.734	18.937	18.937
2	3.815	15.259	34.196	3.815	15.259	34.196
3	2.959	11.838	46.034	2.959	11.838	46.034
4	2.456	9.824	55.858	2.456	9.824	55.858
5	1.439	5.755	61.613	1.439	5.755	61.613
6	1.160	4.642	66.255	1.160	4.642	66.255
7	1.061	4.244	70.499	1.061	4.244	70.499

(Nguồn: Kết quả xử lý bằng SPSS của nhóm tác giả)

thông tin kế toán; Nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán ; Sự hỗ trợ của các nhà quản lý; Năng lực người sử dụng có khả năng giải thích 60,5% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN. Mức độ phù hợp của mô hình là khá tốt. Hệ số Durbin – Watson = 1.743, nên không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất xảy ra.

Qua Hình 2, Biểu đồ Histogram cho thấy giá trị trung bình Mean gần bằng 0, độ lệch chuẩn gần bằng 1, đường cong phân phối có dạng hình chuông, ta có thể khẳng định phân phối là xấp xỉ chuẩn.

Kết luận

Thông qua các kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã tiến hành phân tích nhằm tìm ra các nhân tố tác động đến sự thành công của việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI, tại Đồng Nai. Kết quả cho thấy, các biến Chất lượng hệ thống thông tin kế toán; Chất lượng thông tin kế toán; Nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán; Sự hỗ trợ của các nhà quản lý; Năng lực người sử dụng có sig < 0,05 nên 3 biến này đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc. Đồng thời "hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 do vậy không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra" (Field, 2009). Các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0, như vậy tất cả các biến đưa vào phân tích hồi quy đều tác động cùng chiều tới biến phụ thuộc. Dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta, thứ tự mức độ tác động từ mạnh nhất tới yếu nhất của các biến độc lập và biến kiểm soát tới biến phụ thuộc STCAIS = 0,240*HTQL > 0,138*NLND > 0,086*LAIS > 0,070*CLAI > 0,048*NTHIAIS tương ứng với:

Biến Sự hỗ trợ của các nhà quản lý tác động mạnh nhất đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN: khi Sự hỗ trợ của các nhà quản lý tăng lên 1 điểm thì Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN sẽ tăng lên hơn 0,24 điểm. Điều này cho thấy, sự hỗ trợ của các nhà quản lý là cực kỳ quan trọng, nếu sự hỗ trợ của các nhà quản lý càng lớn thì sẽ tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai sẽ càng cao.

Biến Năng lực người sử dụng có tác động thứ hai: khi Năng lực người sử dụng tăng lên 1 điểm thì Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN sẽ tăng lên hơn 0,138 điểm. Khi Năng lực người sử dụng càng nhiều thì tác động đến thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai càng cao và ngược lại.

Biến Chất lượng hệ thống thông tin kế toán có tác động thứ ba: Khi Chất lượng hệ thống thông tin kế toán tăng lên 1 điểm thì Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai sẽ tăng lên hơn 0,086 điểm. Khi Chất lượng hệ thống thông tin kế toán càng cao thì tác động đến việc Sự

(Xem tiếp trang 78)

Bảng 5: Model Summary[b]

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.778[a]	.605	.850	.36491	1.743

a. Predictors: (Constant), NLND, HTQL, CLAI, CLAIS, NTHIAIS
b. Dependent Variable: STCAIS

Bảng 6: ANOVA[a]

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	2.859	5	.572	4.294	.000[b]
	Residual	20.107	151	.133		
	Total	22.965	156			

a. Dependent Variable: STCAIS
b. Predictors: (Constant), NLND, HTQL, CLAI, CLAIS, NTHIAIS

Hình 2: Biểu đồ Histogram

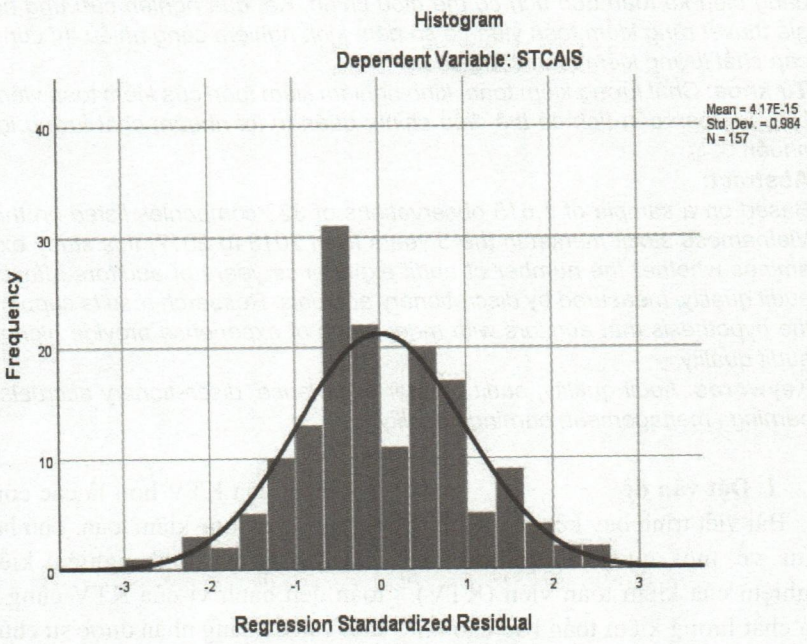

7. DeAngelo, L., DeAngelo, H., & Skinner, D. J. (1994). Accounting choice in troubled companies. Journal of Accounting and Economics, 17(1), 113-143.

8. Dechow, P. M., Sloan, R. G., & Sweeney, A. P. (1995). Detecting earnings management. The Accounting Review,70 (2), 193-225.

9. DeFond, M., & Zhang, J. (2014). A review of archival auditing research. Journal of Accounting and Economics, 275–326.

10. Fargher, N., Lee, H.Y. & Mande, V. (2008). The effect of audit partner tenure on client manager's accounting discretion. Managerial Auditing Journal, 23(2), 161-186.

11. Francis, J. R., & Wilson, E. R. (1988). Auditor changes: A joint test of theories relating to agency costs and auditor differentiation. The Accounting Review, 63(4), 663-682.

12. Francis, J., LaFond, R., Olsson,P., & Schipper, K. (2005). The market pricing of accruals quality. Journal of Accounting and Economics, 39, 295–327.

13. Frederick, D.M., Heiman-Hoffman, V. & Libby, R. (1994), "The structure of auditors' knowledge of financial statement errors", Auditing: A Journal of Practice and Theory, 13 (1), 1-21.

14. Furiady, O., & Kurnia, R. (2015). The Effect of Work Experiences, Competency, Motivation, Accountability and Objectivity towards Audit Quality. Procedia - Social and Behavioral Sciences, 211, 328–335

15. Healy, P. (1985). The Impact of bonus schemes on the selection of accounting principles. Journal of Accounting and Economics, 7, 85-107.

16. Ittonen, K., Vähämaa, E. & Vähämaa, S. (2013). Female Auditors and Accruals Quality. Accounting Horizons, 27(2), 205-228.

17. Johnson, V. E., Khurana, I. D. & Reynolds, J. K. (2002). Audit-Firm Tenure and the Quality of Financial Reports. Contemporary Accounting Research, 19, 637-660.

18. Kaplan, S.E., O'Donnell, E.F., & Arel, B.M. (2008). The influence of auditor experience on the persuasiveness of information provided by management. Auditing: A Journal of Practice & Theory, 27 (1), 67–83.

19. Klein, A. (2002). Audit committee, board of director characteristics, and earnings management. Journal of Accounting and Economics, 33 (3), 375–400.

20. Knechel , W. R. (2009). Audit Lessons from the Economic Crisis: Rethinking Audit Quality. Maastricht University.

21. Kothari, S. P., Leone, A. J., & Wasley, C. E. (2005). Performance matched discretionary accrual measures. Journal of Accounting and Economics, 39(1), 163-197.

22. Lại, T.T.T & Phạm, Đ.H (2017) Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty kiểm toán độc lập: Nghiên cứu khách hàng kiểm toán là các DN FDI tại Việt Nam. Tạp chí Công thương, 10, 377-390.

23. Lawrence, A., Minutti-Meza, M., & Zhang, P. (2011). "Can Big 4 versus non Big 4 differences in auditor quality proxies be attributed to client characteristics?" The Accounting Review, 259-286.

24. Libby, R., & Frederick, D. M. (1990). Experience and the ability to explain audit findings. Journal of Accounting Research, 28, 348–367.

25. Meek, K.J., Roa, P.R. & Skousen, J.C. (2007). Evidence on factors affecting the relationship between CEO stock option compensation and earnings management. Review of Accounting and Finance, 6(3), 304 - 23.

26. Myers, J. M., Myers, L. A. & Omer, T. C. (2003). Exploring the Term of the Auditor - Client Relationship and the Quality of Earnings: A Case for Mandatory Auditor Rotation. The Accounting Review, 78, 779-79.

27. Nelson, M. & H. Tan. (2005). Judgment and decision making research in auditing: A task, person, and interpersonal interaction perspective. Auditing: A Journal of Practice andTheory, 24 (Supplement), 41–71.

28. Pham, N.T., Nguyen, T.H.N., Nguyen, K.N. & Nguyen, T.N.D. (2016). Effects of Audit firm size and auditor characteristics on firm's discretionary Accrual Management. Proceedings of International Conference on Accounting and Finance 2016, 106-112.

29. Reheul, A-M., Caneghem, T. V., Bogaerd, M. V. & Verbruggen, S. (2017). Auditor gender, experience and reporting in nonprofit organizations. Managerial Auditing Journal, (6), 550 - 577.

30. Shelton, S. W. (1999). The effect of experience on the use of irrelevant evidence in auditor judgment. The Accounting Review, 74, 217–224.

31. Wang, X., Wang, Y., Yu, L., Zhao, Y. & Zhang, Z. (2015). Engagement audit partner experience and audit quality. China Journal of Accounting Studies, 3(3), 230–253.

(Tiếp theo trang 71)

thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai càng cao và ngược lại.

Biến Chất lượng thông tin kế toán có tác động thứ tư: khi Chất lượng thông tin kế toán tăng lên 1 điểm thì Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai sẽ tăng lên hơn 0,070 điểm. Cụ thể, khi DN có Chất lượng thông tin kế toán thì tác động đến Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai càng cao và ngược lại.

Biến Nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán có tác động thứ năm: khi Nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán tăng lên 1 điểm thì Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai sẽ tăng lên hơn 0,048 điểm. Cụ thể, sự nhận thức và ảnh hưởng về tính hữu ích của hệ thống thông tin kế toán của DN càng cao thì tác động đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán trong các DN FDI tại Đồng Nai càng cao và ngược lại.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Phước Bảo Ân, 2018, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

2. Beest, F. V., Braam, G., & Boelens, S. (2009). Quality of Financial Reporting: measuring qualitative characteristics.

3. Chanchani, S., & Willett, R. (2004). An empirical assessment of Gray's accounting value constructs. The International Journal of Accounting, 39(2), 125-154.

4. Cooper, M. D., & Alder, M. N. (2006). The evolution of adaptive immune systems. Cell, 124(4), 815-822.

5. Esparza-Aguilar, J. L., García-Pérez-de-Lema, D., & Duréndez, A. (2016). The effect of accounting information systems on the performance of Mexican micro, small and medium-sized family firms: An exploratory study for the hospitality sector. Tourism Economics, 22(5), 1104-1120.

6. Hall, J. A. (2011). Accounting Information Systems: USA.

7. Heidhues, E., & Patel, C. (2008). Convergence of accounting standards in Germany: biases and challenges. Paper presented at the 10th International Conference on Accounting & Business 2008.

8. Iacopo Ennio Inghirami. (2013). Defining Accounting Information Systems Boundaries.

9. Mihalache, A. S. (2011). Risk Analysis of Accounting Information System Infrastructure.

10. O'brien, T. (2009). The things they carried: Houghton Mifflin Harcourt.

11. Phan Đức Dũng, P. A. T. (2015). Accounting information system affecting efficiency of Vietnam's small and medium enterprises in the ASEAN Economic Community (AEC). Phát triển và hội nhập.

12. Robbins, S. P., Judge, T. A., & Sanghi, S. (2007). Organizational Behavior [with CD]: Prentice-Hall of India.

13. Romney, M. B., and Steinbart, Paul J. (2012). Accounting Information System.

14. Shipper, K., & Vincent, L. (2003). Earning quality. Accounting Horizons, 17(Supplement 97), 110.

15. Susanto, A. (2015). What factors influence the quality of accounting information. International Journal of Applied Business and Economic Research, 13(6), 3995-4014.

16. Ulric J. Gelinas, Richard B. Dull, & dan Patrick R. Wheeler. (2015). Accounting Information Systems.